

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2020/DS-PT

Ngày: 22/12/2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Bà Huỳnh Kim Oanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Nguyễn Tấn Tài  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS - ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 456/2020/QĐ – PT ngày 19/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 494/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 142, ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trần Thanh L**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 15, ấp 2, xã BHT, huyện CL, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh L là ông Đào Thanh S, sinh năm 1962, cư trú ấp 5, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Thanh L là bị đơn trong vụ án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***\* Bà Bùi Thị Thu H là nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 23/3/2015 đến ngày 07/11/2016, bà có bán thức ăn gia súc cho ông Trần Thanh L và bà Lê Thị M để nuôi heo. Bà và ông L có giao kết bằng hợp đồng miệng là bà bán thức ăn cho ông L sau 03 tháng sẽ chốt sổ tính tiền 01 lần và trong 03 tháng nếu có bày heo nào bán thì ông L sẽ thanh toán tiền nợ mua thức ăn, thời gian chậm nhất là 03 tháng sau mỗi đợt thiếu, hết hạn 03 tháng ông L mua lại cái mới và hợp đồng tiếp tục. Trong mỗi lần lấy hàng ông L đều có ký xác nhận. Nhưng đến khi bán heo, ông L không trả hết số nợ và hứa sẽ thanh toán đầy đủ vào lần bán kế tiếp. Vài lần bán sau, ông L cũng không thanh toán nợ cho bà. Ông L không trả nợ theo hợp đồng hai bên đã giao kết mà chỉ trả nhỏ lẻ. Đến ngày 07/11/2016 tổng số tiền vợ chồng ông còn nợ là 38.918.000 đồng. Do vợ chồng ông L không trả nợ theo đúng hợp đồng nên bà cắt không giao hàng nữa (ngày 02/12/2016), mà yêu cầu vợ chồng ông L thanh toán nợ cũ. Bà đã đến nhà ông L rất nhiều lần để đòi nợ, ông L có làm Tờ cam kết hứa sẽ trả theo đúng cam kết ngày 11/3/2017 âm lịch, nhưng ông cũng không thực hiện. Đến ngày 11/6/2017, ông L có bán 15 con heo thịt cũng không trả tiền cho bà, bà đến nhà nhiều lần và yêu cầu vợ chồng ông L thanh toán nợ thì ông L có trả 5.000.000 đồng ngày 04/7/2017. Như vậy, số tiền mua thức ăn còn nợ là 33.918.000 đồng.

Theo Đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh L trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 33.918.000 đồng và lãi từ ngày 07/11/2016 đến ngày 07/02/2020 là 39 tháng x 1,6%/tháng x 33.918.000 đồng = 21.164.832 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 55.182.832 đồng. Và bà yêu cầu được tiếp tục tính lãi 1,6%/tháng từ ngày 12/02/2020 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà cùng với ông L đã đối chiếu lại sổ sách và được Tòa tiến hành cho hai bên đối chất với nhau nên bà xác định được tổng số tiền ông L nợ bà là 108.910.000 đồng, ông L đã trả được 82.000.000 đồng nên còn nợ lại bà là 26.910.000 đồng.

Do đó, tại phiên tòa hôm nay, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh L trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 26.910.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/11/2016 đến ngày 07/8/2020 là 45 tháng x 0.83%/tháng x 26.910.000 đồng = 10.050.000 đồng làm tròn. Tổng cộng là 36.960.000 đồng.

Bà H không yêu cầu bà Lê Thị M cùng liên đới trả nợ với ông L.

Bà H không thừa nhận có nhận số tiền lãi 35.048.000 đồng từ ông L.

**\* Bị đơn *Trần Thanh L* trình bày:**

Ông L thừa nhận có mua thức ăn để chăn nuôi heo để phục vụ kinh tế cho gia đình từ ngày 23/3/2015 đến ngày 07/11/2016 mua tổng cộng 316 bao, việc mua bán và giao nhận hàng bà H có ghi vào sổ đưa cho ông quản lý, việc thực hiện giao dịch là do một mình ông thực hiện với bà H. Trong thời gian mua thức ăn thì ông có nhiều lần trả vốn và lãi cho bà H đều có ghi vào sổ theo dõi. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà ông L đã trả cho bà H là 117.048.000 đồng (trong đó: Tiền gốc là 82.000.000 đồng gồm các ngày 23/6/2015 trả 7.000.000 đồng, ngày 30/12/2015 trả 15.000.000 đồng, ngày 06/02/2016 trả 10.000.000 đồng, ngày 17/5/2016 trả 15.000.000 đồng, ngày 28/10/2016 trả 14.000.000 đồng, ngày 02/12/2016 trả 16.000.000 đồng, ngày 04/7/2017 trả 5.000.000 đồng; tiền lãi là 35.048.000 đồng gồm các ngày 30/12/2015 trả 14.000.000 đồng, ngày 17/5/2016 trả 6.000.000 đồng, ngày 26/6/2016 trả 6.000.000 đồng, ngày 10/7/2016 trả 1.180.000 đồng, ngày 27/10/2016 trả 7.868.000 đồng), nhưng số tiền nợ chỉ có 107.675.000 đồng, do đó ông đã trả dư 9.373.000 đồng, đối với số tiền này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp ông sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Đối với tờ cam kết mà bà H đã giao nộp cho Tòa án thì đúng là chữ viết và chữ ký của ông, nhưng lúc đó do không có sổ sách mà bà H đòi nợ quá nên ông viết để đối phó với bà H và ông có nói sau này đối chiếu sổ sách lại sẽ tính sau, viết ngày tháng năm nào thì ông không nhớ.

Đối với số tiền 955.000 đồng mua ngày 30/7/2015 (trong sổ cái do bà H quản lý là ngày 31/7/2015) ông thừa nhận có mua tên hàng và loại hàng, số lượng và giá như bà H trình bày. Tuy nhiên, ngày mua hàng này ông đã thanh toán tiền cho bà H xong, nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh, việc trả nợ không có làm biên nhận, cũng như không có ghi vào sổ.

Đối với số tiền 280.000 đồng chích lỗ mồm lông móng vào ngày 05/5/2016, ông thừa nhận chữ ký và chữ viết trong sổ cái của bà H là của ông, nhưng không có ghi vào sổ của ông quản lý thì ông không đồng ý trả.

Đồng thời, ngày 17/12/2019 bà H có khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 27.110.000 đồng mà nay lại yêu cầu số tiền 33.918.000 đồng, rồi tại phiên tòa yêu cầu 26.910.000 đồng là có sự gian dối đề nghị Tòa án xem xét lại. Ông L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, đối với việc bà H không yêu cầu bà M liên đới trả nợ cùng ông thì ông thống nhất, trường hợp Tòa án xác định ông còn nợ thì ông đồng ý một mình chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H.

**\* Bà H trình bày bổ sung:**

Việc ngày 17/12/2019 bà H có khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng ông L trả số tiền 27.110.000 đồng là do có một số lần con bà giao hàng chỉ ghi số bao mà không ghi số tiền nên bà chưa cộng vào. Sau khi được Tòa án giải thích

thì nay bà cộng vào thêm nên số tiền mới tăng lên là 33.918.000 đồng. Tuy nhiên, trong vụ án này qua làm việc đối chiếu sổ sách và đối chất với ông L nên số tiền chính xác là 26.910.000 đồng, chứ không phải có sự gian dối như ông L trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị Thu H.

Buộc ông Trần Thanh L trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 26.910.000 đồng và tiền lãi 10.050.000 đồng. Tổng cộng là 36.960.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Trần Thanh L phải chịu 1.848.000 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H số tiền 1.060.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009718 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2020 ông Trần Thanh L là bị đơn, kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, ông không đồng ý trả cho bà H số tiền 26.910.000 đồng và lãi suất 0.83/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Xác định từ ngày 23/3/2015 đến 07/11/2016 bà H có bán thức ăn gia súc cho ông L được hai bên thừa nhận. Tòa án sơ thẩm tiến hành đối chất giữa hai bên xác định: Ông L chỉ thừa nhận có mua tổng nợ là 107.675.000 đồng, không thừa nhận còn nợ 02 khoản là 955.000 đồng và 280.000 đồng. Bà H xác định tổng nợ là 107.675.000 đồng (ông L thừa nhận) + Ngày 30/7/2015 mua 955.000 đồng và ngày 05/5/2016, chích lỗ mồm lông móng với giá 280.000 đồng = 108.910.000 đồng; ông L trả 82.000.000 đồng còn lại 26.910.000 đồng; ông L cho rằng đã trả cho bà H 117.000.000 đồng nhưng ông không có gì chứng minh nên

đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Xét việc ông Trần Thanh L kháng cáo, ông L không đồng ý trả cho bà H số tiền 26.910.000đồng và lãi suất 0.83/tháng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ông Trần Thanh L thừa nhận từ ngày 23/3/2015 đến ngày 07/11/2016 ông có mua thức ăn của bà H nhiều lần với tổng số tiền là 107.675.000 đồng và đã trả được tiền gốc tổng cộng 82.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên đương sự chưa thống nhất với nhau về số tiền còn nợ và số tiền đã trả. Bà H cho rằng tổng nợ là 107.675.000 đồng (ông L thừa nhận) + Ngày 30/7/2015 mua 955.000 đồng + Ngày 05/5/2016, chích lỗ mồm lông móng với giá 280.000 đồng = 108.910.000 đồng.

[2]. Ông L chỉ thừa nhận có mua tổng nợ là 107.675.000 đồng, không thừa nhận còn nợ 02 khoản là 955.000 đồng và 280.000 đồng. Vì ông cho rằng, đối với khoản tiền 955.000 đồng mua vào ngày 30/7/2015 (trong sổ cái do bà H quản lý là ngày 31/7/2015), ông thừa nhận có mua tên hàng, loại hàng, số lượng và giá như bà H trình bày, tuy nhiên ngày mua hàng này ông đã thanh toán xong nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh; đối với khoản tiền 280.000 đồng ông thừa nhận ông có ký vào sổ cái do bà H quản lý, nhưng không có ghi vào sổ do ông quản lý nên ông không đồng ý trả, đồng thời ông cũng không có chứng cứ nào chứng minh ông đã trả xong khoản tiền này.

Do đó, ông L đã thừa nhận có 03 khoản nợ trên (gồm: 107.675.000 đồng + 955.000 đồng + 280.000 đồng) nên đây là tình tiết không cần chứng minh. Tuy nhiên, ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ ông đã trả xong số tiền 955.000 đồng và 280.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền ông Liêm nợ bà Hương là 108.910.000 đồng. Ông Liêm đã trả 82.000.000 đồng (gồm các ngày 23/6/2015: 7.000.000đ; Ngày 30/12/2015: 15.000.000đ; Ngày 06/02/2016: 10.000.000đ; Ngày 17/5/2016: 15.000.000đ; Ngày 28/10/2016: 14.000.000đ; Ngày 02/12/2016: 16.000.000đ; Ngày 04/7/2017: 5.000.000đ), sự việc này bà H thừa nhận nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông L còn nợ tiền mua thức ăn của bà H với số tiền là 108.910.000 đồng – 82.000.000 đồng = 26.910.000 đồng.

Theo tờ cam kết trả nợ ngày 07/11/2016, ông L thừa nhận còn nợ bà H số tiền 33.918.000 đồng, tuy nhiên tòa án sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa hai bên nên bà H yêu cầu ông L trả số tiền còn nợ là 26.910.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Đối với yêu cầu tính lãi của bà H yêu cầu ông L trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với số tiền tính từ ngày 07/11/2016 đến ngày 07/8/2020 là 45 tháng x 0,83%/tháng x 26.910.000 đồng = 10.050.000 đồng làm tròn. Xét thấy, yêu cầu tính lãi của bà H là phù hợp với Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị Thu H. Buộc ông Trần Thanh L trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 26.910.000 đồng và tiền lãi 10.050.000 đồng. Tổng cộng là 36.960.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L không được chấp nhận nên ông L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu H.

Buộc ông Trần Thanh L trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 26.910.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10.050.000 đồng. Tổng cộng là 36.960.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Trần Thanh Li phải chịu 1.848.000 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà H số tiền 1.060.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009718 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

#### 5. Án phí dân sự phúc thẩm

Ông Trần Thanh L phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0004112 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSV, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký tên đóng dấu)**

**Lê Hồng Nước**